

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/DS-ST
Ngày 02-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế

2. Ông Nguyễn Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2017/TLST-DS, ngày 26/6/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2017/QĐXXST-DS, ngày 16/10/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 36 ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 334C, khóm H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và tại các phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2015 bà Nguyễn Thị Thu V có làm chủ hụi, chị T có tham gia các dây hụi như sau:

- Dây hụi 2.000.000đ, ngày 08/01/2015, có 26 phần, chị T tham gia 05 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần. Chị T đã hốt được 04 phần hụi nhưng bà V chưa giao tiền hụi đã hốt cho chị T, còn 01 phần hụi sống chưa hốt, hụi khai đến tháng 02/2017 thì mãn hụi. Chị T yêu cầu bà V hoàn trả số tiền đã hốt 04 phần hụi chưa giao và trả lại số tiền đóng 01 phần hụi sống với số tiền là 196.555.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Dây hụi 3.000.000đ, ngày 20/05/2015, có 26 phần, chị T tham gia 02 phần và mua lại 01 phần tên Còn số tiền mua là 55.200.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Chị T đã đóng 18 lần hụi sống chưa hốt, hụi khui xong lần thứ 18 thì ngưng. Chị T yêu cầu bà V trả lại số tiền hụi đã đóng ở dây hụi này là 186.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Dây hụi 3.000.000đ, ngày 17/01/2016, có 22 phần, chị T tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Chị T đã đóng tiền hụi được 10 lần, hụi khui xong lần thứ 10 thì ngưng. Chị T yêu cầu bà V hoàn trả số tiền đã đóng hụi sống là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, ngày 25/04/2016, có 20 phần, chị T tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Chị T đã đóng tiền hụi được 07 lần, hụi khui xong lần thứ 07 thì ngưng. Chị T yêu cầu bà V hoàn trả số tiền đã đóng hụi sống với số tiền là 21.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Dây hụi 500.000đ, ngày 05/07/2016, có 21 phần, chị T tham gia 02 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Chị T đã hốt 01 phần vào lần thứ 06, hụi khui xong lần thứ 09 thì ngưng. Chị T yêu cầu bà V hoàn trả số tiền là 1.500.000đ.

Sau đó chị T và bà V có quyết toán với nhau, bà V thừa nhận còn nợ tiền hụi chị T tổng cộng là 432.055.000 (Bốn trăm ba hai triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Sau khi quyết toán bà V có trả cho chị T được 111.650.000 đồng còn lại 320.405.000đ đến nay không trả. Đối với số tiền 98.730.000 đồng Công an xác định là số tiền bà V chiếm đoạt của chị T trong các dây hụi trên, bà V đã nộp đủ số tiền này cho cơ quan Công an, chị Chi đã nhận xong nên chị T xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bà V.

Nay chị T yêu cầu: Bà V hoàn trả số tiền nợ hụi là 320.405.000đ (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 85 tờ bản đồ số 30 do bà V đứng tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Bà V thừa nhận vào năm 2015 bà Nguyễn Thị Thu V có làm chủ hụi, chị T có tham gia các dây hụi như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, ngày 08/01/2015, có 26 phần, chị T tham gia 05 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Chị T đã hốt được 04 phần hụi nhưng bà V chưa giao tiền hụi đã hốt cho chị T, còn 01 phần hụi sống chị T chưa hốt, hụi khui đến tháng 02/2017 thì mãn hụi. Nay bà V thừa nhận trong dây hụi này bà V còn thiếu chị T 04 phần hụi chưa giao và 01 phần hụi sống với số tiền là 196.555.000 đồng. Bà V thừa nhận trong dây hụi này bà V lấy tên hụi viên hốt hụi đã chiếm đoạt của chị T số tiền 34.750.000đ.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, ngày 20/05/2015, có 26 phần, chị T tham gia 02 phần và mua lại 01 phần tên Còn số tiền mua là 55.200.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Chị T đã đóng 18 lần hụi sống chưa hốt, hụi khui đến lần thứ 18 thì ngưng. Dây hụi này bà V còn nợ chị T 186.000.000 đồng. Bà V thừa nhận

trong dây hui này bà V lấy tên hui viên hót hui đã chiếm đoạt của chị T số tiền 59.460.000đ.

- Dây hui 3.000.000 đồng, ngày 17/01/2016, có 22 phần, chị T tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hui 01 lần. Chị T đã đóng tiền hui được 10 lần, hui khui đến lần thứ 10 thì ngưng. Dây hui này bà V còn nợ chị T là 30.000.000 đồng. Bà V thừa nhận trong dây hui này bà V lấy tên hui viên hót hui đã chiếm đoạt của chị T số tiền 2.120.000đ.

- Dây hui 3.000.000 đồng, ngày 25/04/2016, có 20 phần, chị T tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hui 01 lần. Chị T đã đóng tiền hui được 07 lần, hui khui đến lần thứ 07 thì ngưng. Dây hui này bà V còn nợ chị T số tiền là 21.000.000đ, Bà V thừa nhận trong dây hui này bà V lấy tên hui viên hót hui đã chiếm đoạt của chị T số tiền số tiền 2.070.000đ.

- Dây hui 500.000 đồng, ngày 05/07/2016, có 21 hui viên, chị T tham gia 02 phần, mỗi tháng khui hui 01 lần. Chị T đã hót 01 phần vào lần thứ 6, hui khui xong lần thứ 09 thì ngưng. Dây hui này bà V còn nợ chị T số tiền là 1.500.000đ. Bà V thừa nhận trong dây hui này bà V lấy tên hui viên hót hui đã chiếm đoạt của chị T số tiền 330.000đ.

Sau đó chị T và bà V có quyết toán với nhau bà V thừa nhận còn nợ tiền hui chị T tổng cộng là 432.055.000 đồng, sau khi quyết toán bà V có trả cho chị T được 111.650.000 đồng còn lại 320.405.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) đến nay chưa trả. Đối với số tiền 98.730.000 đồng Công an xác định là số tiền bà V chiếm đoạt của chị T trong các dây hui trên, bà V đã nộp đủ số tiền này cho cơ quan Công an, chị Chi đã nhận xong.

Nay Bà V thừa nhận và đồng ý trả tổng số tiền nợ hui còn lại cho chị T là 320.405.000 (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng). Không đồng ý Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 85 tờ bản đồ số 30 do bà V đứng tên, vì thửa đất trên bà V đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Minh K, bà V đã nhận đủ tiền của anh K là 750.000.00 đồng để giải chấp giấy tờ nhà đất ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện V, số tiền còn lại 376.000.000 đồng bà V trả cho chủ nợ khác và giao nộp cho Cơ quan Công an để trả cho các chủ nợ trong đó có chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị Thu V phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ hui là 320.405.000 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Nguyễn Thị Thu V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1965; Địa chỉ: 334C khóm H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2017, trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V trả 320.405.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) tiền hội, yêu cầu của chị T là tranh chấp hợp đồng dân sự hội được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa chị T và bà V đều thừa nhận là vào năm 2015, 2016 chị T có tham gia 05 dây hội do bà V làm chủ gồm: Dây hội 2.000.000 đồng ngày 08/01/2015, dây hội 3.000.000đ, ngày 20/5/2015, dây hội 3.000.000 đồng, ngày 17/01/2016, dây hội 3.000.000 đồng, ngày 25/4/2016, dây hội 500.000 đồng, ngày 05/7/2016. Sau đó, giữa chị T và bà V có quyết toán với nhau bà V còn nợ chị T số tiền là 432.055.000 đồng, sau khi quyết toán bà V có trả cho chị T được 111.650.000 đồng, còn nợ lại 320.405.000 đồng đến nay bà V chưa trả.

Việc tham gia góp hội giữa chị T và bà V là có thật, bà V cũng đã thừa nhận các khoản nợ hội như chị T trình bày. Bà V không thực hiện giao tiền hội cho chị T khi chị T hốt hội và việc không hoàn trả số tiền hội mà chị T đã đóng khi hội vỡ là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội được quy định tại Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biêu, phường và việc chị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V trả số tiền nợ hội là có cơ sở và phù hợp pháp luật.

Nay bà Nguyễn Thị Thu V đồng ý trả số tiền nợ hội cho chị Nguyễn Thị T còn lại là 320.405.000đ (Ba trăm hai chục triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Do các đương sự không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đối với số tiền 98.730.000 đồng là số tiền bà V tự ý lấy tên hội viên để hốt và chiếm đoạt của chị T trong các dây hội cụ thể là: Dây hội 2.000.000 đồng ngày 08/01/2015 bà V chiếm dụng 34.750.000 đồng, dây hội 3.000.000 đồng ngày 17/01/2016 chiếm dụng 2.120.000 đồng, dây hội 500.000 đồng ngày 05/7/2016 chiếm dụng 330.000 đồng, dây hội 3.000.00 đồng ngày 25/4/2016 chiếm dụng 2.070.000 đồng, dây hội 3.000.000 đồng chiếm dụng 59.460.000 đồng hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đang xem xét giải quyết. **Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi Viện kiểm sát có truy tố.**

[7] Về án phí: Do bà V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị T nên bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị Thu V chưa trả số tiền trên cho chị T thì bà V còn phải trả lãi cho chị T theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà.

4. Ấn xử công khai có mặt các bên đương sự báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện;
- VKSND Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Quan Nam